TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS -ST
Ngày 19/11/2018.
V/v: "Tranh chấp thừa kế nhà, đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Bà Đoàn Thị Dịu.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST-DS ngày 11/7/2018 về việc tranh chấp chia thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H - Sinh năm 1930.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Thị H: Bà Trương Thị N - Sinh năm 1969.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Vũ Thị H: Luật sư Phạm Hồng Kiên và luật sư Tạ Quang Trang - Công ty luật Cán Cân Việt thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 166, phố T, thị trấn P, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị V - Sinh năm 1962.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị Ngọc A - Sinh năm 1994.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lương Thị Ngọc A: Bà Trương Thị N - Sinh năm 1969.

Bà H, bà N, bà V, chị A đều trú tại: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt bà V, bà N, luật sư Trang, luật sư Kiên; Vắng mặt: Cụ H và chị A (có đơn ủy quyền cho bà N thay mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn là cụ Vũ Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lương Tiến Q (tên gọi khác Lương Văn Q - Sinh năm 1956, chết năm 2013) là con của cụ Vũ Thị H và cụ Lương Văn Đ (sinh năm 1925, chết năm 1994). Sau khi chết, ông Q không để lại di chúc và để lại di sản gồm: Thửa đất số 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định có diện tích 440m^2 gồm 143m^2 đất vườn, 70m^2 đất ao và 227m^2 đất ở cùng các công trình kiến trúc trên thửa đất số 796 và các thửa đất trồng lúa. Nay cụ H đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với thửa đất số 796 và các công trình kiến trúc trên thửa đất, đối với các thửa đất trồng lúa cụ H không đề nghị Tòa án giải quyết vì chưa làm xong thủ tục, sau này sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai, bị đơn là bà Vũ Thị V có ý kiến như sau:

Năm 1981 bà kết hôn với ông Lương Tiến Q, đến năm 1985 vợ chồng bà mua đất và xây nhà ở xã T và nay là thửa đất số 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định và đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 20/9/1995, số hiệu G 999811. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có con chung, năm 2013 ông Q chết không để lại di chúc. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của cụ H vì toàn bộ tài sản của vợ chồng bà là do hai vợ chồng tự làm ra, không phải đất hương hỏa của bố mẹ. Bà V cũng không đồng ý cho con nuôi của vợ chồng bà là chị Lương Thị Ngọc A được hưởng di sản thừa kế của ông Q vì việc nhận chị A làm con nuôi chỉ là để cho chị A khi đi học được hưởng chế độ thương binh của ông Q, khi vợ chồng bà đau ốm thì chị A không chăm lo, vợ chồng bà chưa nuôi dưỡng chị A ngày nào vì từ khi nhận làm con nuôi thì chị A vẫn ở với gia đình bố mẹ đẻ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị Ngọc A có ý kiến:

Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố nuôi là Lương Văn Q theo quy định của pháp luật và nếu chị A được hưởng di sản thừa kế của bố Q thì chị nhường toàn bộ phần di sản đó cho bà Vũ Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến:

Đề nghị Tòa án chia di sản của ông Q là thửa đất 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T và nhà chính xây dựng trên thửa đất.

Đề nghị Tòa án ghi nhận việc cụ H tự nguyện giao toàn bộ số tài sản thừa kế cụ H được hưởng khi phân chia di sản của ông Q cho chị A được toàn quyền quản lý, sử dụng.

Đề nghị Tòa án miễn án phí cho cụ H với lý do cụ H đã cao tuổi.

Không đề nghị Tòa án giải quyết về diện tích đất nông nghiệp cấp cho ông Q do chưa làm xong thủ tục, giấy tờ, sau này sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Bị đơn: Đồng ý để cụ H hưởng di sản thừa kế của ông Q. Không đồng ý cho chị A được hưởng di sản thừa kế của ông Q với lý do việc nhận chị A làm con nuôi chỉ nhằm mục đích khi đi học chị A được hưởng chế độ thương binh của ông Q, giữa vợ chồng bà và chị A không có quan hệ nuôi dưỡng, chị A không chăm sóc vợ chồng bà khi ốm đau, bệnh tật, khi ông Q chết thì chị A cũng không về chịu tang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến: Đề nghị chia di sản thừa kế của ông Q theo quy định của pháp luật và đồng ý nhận số tài sản mà cụ H tặng cho chị A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Q để lại là thửa đất số 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định và nhà chính trên thửa đất. Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông Q là cụ H, bà V và chị A.

Nếu bà V đồng ý để lại 5 mét đất chiều ngang ở phần đất trống cho cụ H, chị A xây nhà làm nơi thờ cúng ông Q thì nguyên đơn không có ý kiến gì khác và đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận này. Nếu bà V không đồng ý thì đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Q để lại theo quy định của pháp luật.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nghiêm chỉnh chấp hành quy định tại các Điều 70; 71; 72; 73 BLTTDS.

Việc Vũ Thị H và chị Lương Thị Ngọc A vắng mặt nhưng đã có Giấy ủy quyền cho bà Trương Thị N thay mặt tham gia tố tụng vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt cụ H và chị A là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, áp dụng các các Điều 234, 235, 357, 468, 649, 650, 651 và Điều 653 Bộ luật dân sự đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Vũ Thị H.

Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Vũ Thị H về việc tặng cho toàn bộ tài sản cụ H được hưởng khi chia di sản thừa kế của ông Lương Tiến Q cho chị Lương Thị Ngọc A.

Giao cho chị Lương Thị Ngọc A được quyền sử dụng kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật của chị Lương Thị Ngọc A và kỷ phần thừa kế của của cụ Vũ Thị H.

Giao cho bà Vũ Thị V được quyền sử dụng phần di sản thừa kế của ông Lương Văn Q theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Tại phiên tòa hôm nay, cụ Vũ Thị H và chị Lương Thị Ngọc A vắng mặt nhưng đã có Giấy ủy quyền cho bà Trương Thị N thay mặt tham gia tố tụng vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt cụ H và chị A là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, ngày 21/9/2018 Tòa án cùng với các cơ quan có liên quan đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; Hội đồng định giá đã tiến hành định giá đối với thửa đất số 796 và các công trình kiến trúc trên thửa đất, kết quả như sau:

2.1. Thửa đất 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định có tứ cận và diện tích như sau:

Phía Bắc: Giáp thổ ông H (T) dài 26,5 mét;

Phía Nam: Giáp thổ bà B gồm 04 đoạn: Đoạn 1 dài 21,6 mét; Đoạn 2 dài 4,8 mét; Đoạn 3 dài 2,8 mét; Đoạn 4 dài 3,0 mét;

Phía Đông: Giáp thổ ông H dài 14,8 mét;

Phía Tây: Giáp đường Quốc lộ 21B dài 14,7 mét.

Tổng diện tích thửa đất 796 là 390m^2 (gồm: 227m^2 đất thổ cư; 143m^2 đất vườn và 20m^2 đất ao, ba loại đất này đều nằm theo chiều ngang của thửa đất).

2.2. Trên thửa đất 796 có công trình kiến trúc là nhà chính gồm gian buồng và gian ngoài xây năm 1989 và một số công trình xây dựng khác.

2.3. Kết quả định giá của Hội đồng định giá đối với giá trị chuyển nhượng thực tế của thửa đất 796 và các công trình kiến trúc theo giá thị trường tại thời điểm hiện nay như sau:

- Về đất: Đất ở là 1.500.000 đồng/01m^2; Đất vườn và đất ao là 200.000 đồng/1m^2.

- Nhà chính có tổng trị giá là 105.454.000 đồng (gồm: Gian buồng có trị giá là 31.198.000 đồng; Gian nhà ngoài có trị giá là 74.256.000 đồng).

- Đối với các công trình kiến trúc khác xây dựng trên thửa đất 796 các đương sự đều có ý kiến không đề nghị chia thừa kế, nếu sau này Tòa án chia cho ai thì người đó được hưởng hoặc tự có trách nhiệm tháo dỡ nếu việc chia đất cắt qua các công trình đó nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Vũ Thị H, HĐXX nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận vì các lý do sau:

3.1. Về di sản của ông Lương Tiến Q:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thể hiện: Ngày 20/9/1995 ông Q đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Nay thửa đất 796 và các công trình xây dựng trên đất được xác định là tài sản chung, được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Q và bà Vũ Thị V nên ông Q, bà V mỗi người được hưởng 1/2 đối với số tài sản chung vợ chồng và di sản ông Q để lại là 1/2 thửa đất số 796 có diện tích là: (390 : 2) = 195m^2 đất (gồm 113,5m^2 đất thổ cư; 71,5m^2 đất vườn; 10m^2 đất ao) và 1/2 giá trị nhà chính (gồm gian buồng và gian ngoài) trên thửa đất số 796 có trị giá là (105.454.000 : 2) = 52.727.000 đồng.

3.2. Về diện và hàng thừa kế đối với di sản của ông Q:

Ông Q chết vào năm 2013 nhưng không để lại di chúc đối với di sản của mình để lại, do đó căn cứ vào quy định của Bộ luật dân sự thì cụ H và bà V, chị A (là con nuôi hợp pháp của vợ chồng ông Q) là những người thừa kế theo pháp luật và thuộc hàng thừa kế thứ nhất và mỗi người được hưởng một phần di sản bằng nhau trong khối di sản ông Q để lại là quyền quản lý, sử dụng 1/2 thửa đất 796 và 1/2 trị giá nhà chính xây năm 1989.

[4] Phân chia di sản thừa kế của ông Q như sau: Căn cứ hiện trạng sử dụng đất, đối chiếu diện tích sử dụng của gia đình bà V đang sử qua đo đạc thẩm định tại chỗ và để bảo đảm tính hợp lý, sự ổn định của các công trình kiến trúc HĐXX thấy cần phân chia di sản thừa kế của ông Q như sau:

4.1. Về đất tại thửa đất số 796: Bà V, cụ H và chị A mỗi người được hưởng: 195 : 3 = 65m^2 đất (gồm: 37,835m^2 đất ở; 23,835m^2 đất vườn và 3,33m^2 đất ao), có giá trị là 62.185.500 đồng.

4.2. Về nhà chính xây dựng trên thửa đất 796: Bà V, bà H và chị A mỗi người được hưởng là: 52.727.000 : 3 = 17.575.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị mỗi kỷ phần thừa kế mà bà V, cụ H và chị A được hưởng khi chia di sản của ông Q là 79.760.500 đồng.

4.3. Để đảm bảo giá trị sử dụng của nhà chính, HĐXX sẽ chia cho bà V phần đất có ngôi nhà chính và bà V phải trả cho cụ H và chị A mỗi người 17.575.000 đồng là phần giá trị nhà chính cụ H, chị A được hưởng.

4.4. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của cụ H xuất trình đơn của cụ H về việc cụ H tặng cho lại cho chị A toàn bộ phần tài sản mà cụ được hưởng khi chia di sản của ông Q, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và sự tự nguyện này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, phần tài sản chị A được hưởng như sau:

- Về đất là (65 x 2) = 130m^2 đất (gồm: 75,67m^2 đất ở; 47,67m^2 đất vườn và 6,66m^2 đất ao).

- Về giá trị nhà chính là (17.575.000 x 2) = 35.150.000 đồng và bà V phải có trách nhiệm thanh toán cho số tiền này cho chị A.

[5] Xét yêu cầu của bà V về việc bà không đồng ý cho chị A hưởng thừa kế của ông Q vì việc nhận chị A làm con nuôi chỉ để chị A khi đi học được hưởng chế độ thương binh của ông Q, giữa hai bên không có quan hệ nuôi dưỡng với nhau, chị A không chăm sóc vợ chồng bà khi ốm đau cũng như không lo ma chay cho ông Q. HĐXX nhận thấy: Vợ chồng bà V tự nguyện nhận chị A làm con nuôi và đã làm đầy đủ các thủ tục về việc nhận nuôi con nuôi, do đó chị A thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng di sản thừa kế của ông Q để lại, vì vậy HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bà V.

[6] Về án phí:

6.1. Do cụ H đã cao tuổi và có đề nghị xin được miễn án phí nên cụ H không phải nộp án phí đối với phần di sản mà cụ H được hưởng.

6.2. Bà V phải nộp 3.988.000 đồng tiền án phí đối với phần di sản thừa kế bà V được hưởng từ ông Q.

6.3. Chị Ánh phải nộp 3.988.000 đồng tiền án phí đối với phần di sản thừa kế chị A được hưởng từ ông Q.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Bà Trương Thị N nhận nộp toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và không có yêu cầu về số tiền này nên HĐXX không xem xét.

Các vấn đề khác các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 234, 235, 357, 468, 649, 650, 651 và Điều 653 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Vũ Thị H.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của cụ Vũ Thị H về việc tặng cho toàn bộ tài sản cụ H được hưởng khi chia di sản thừa kế của ông Lương Tiến Q (tên gọi khác Lương Văn Q) cho chị Lương Thị Ngọc A.

3. Giao cho chị Lương Thị Ngọc A được quyền sử dụng 130m^2 đất *(gồm: 75,67m^2 đất ở; 47,67m^2 đất vườn và 6,66m^2 đất ao)* nằm trong thửa đất 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Diện tích đất giao cho chị A có tứ cận như sau:

Phía Bắc: Giáp phần đất giao cho bà V dài 28,5 mét;

Phía Nam: Giáp thổ bà B gồm 04 đoạn: Đoạn 1 dài 21,6 mét; Đoạn 2 dài 4,8 mét; Đoạn 3 dài 2,8 mét; Đoạn 4 dài 3,0 mét;

Phía Đông: Giáp thổ ông H dài 5,6 mét;

Phía Tây: Giáp đường Quốc lộ 21B dài 4,9 mét.

(Có sơ đồ kèm theo).

4. Giao cho bà Vũ Thị V được quyền sử dụng 260m^2 đất *(gồm: 151,335m^2 đất ở; 95,335m^2 đất vườn và 13,33m^2 đất ao)* nằm trong thửa đất 796, tờ bản đồ số 1 tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định và sở hữu nhà chính xây năm 1989 (gồm gian buồng và gian ngoài) trên phần đất được giao. Diện tích đất giao cho bà V có tứ cận như sau:

Phía Bắc: Giáp thổ ông H (T) dài 26,5 mét;

Phía Nam: Giáp phần đất giao cho chị A dài 28,5 mét;

Phía Đông: Giáp thổ ông H dài 9,2 mét;

Phía Tây: Giáp đường Quốc lộ 21B dài 9,8 mét.

(Có sơ đồ kèm theo)

Bà Vũ Thị V có nghĩa vụ thu dọn cây cối, hoa màu (nếu có) trên diện tích đất được giao cho chị Lương Ngọc A.

5. Bà Vũ Thị V có trách nhiệm trả cho chị Lương Thị Ngọc A số tiền **35.150.000** đồng *(ba mươi lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)* là trị giá nhà chính mà cụ H và chị A được hưởng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Trả lại cho cụ Vũ Thị H số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng cụ H đã nộp tại biên lai thu tiền số 04783 ngày 11/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

6.2. Bà Vũ Thị V phải nộp **3.988.000** đồng *(ba triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).*

6.3. Chị Lương Thị Ngọc A nộp **3.988.000** đồng *(ba triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).*

7. Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất mà mình được giao.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lương Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Vũ Thị V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà